

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 29-7-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hạnh;
2. Ông Phạm Văn Bút.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS ngày 28/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 28/6/2021, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 395/TB-TA ngày 21/7/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty T; địa chỉ trụ sở: Số 72-74 Nguyễn Thị M, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: ông Y, chức vụ: Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông H - Giám đốc điều hành cấp cao – Bộ phận Thẩm định & Bộ phận Quản lý Công nợ (Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2019 của Tổng Giám đốc Công ty T); người được ủy quyền lại: Bà Võ Thị Xuân T, sinh năm 1996; địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2020).

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị G, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Chị T có mặt tại phiên tòa; chị G, anh T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 31/7/2020 và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty T bà Võ Thị Xuân T trình bày:*

Vào ngày 04/01/2020, chị Phạm Thị G ký hợp đồng số 668000000000620000 với Công ty T vay số tiền 74.284.000đồng. Mục đích vay là mua nội thất theo hình thức tín chấp trả góp hàng tháng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất tháng 3.5083%, số tiền thanh toán mỗi tháng là 3.665.441đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12/02/2020.

Từ ngày 12/02/2020 đến ngày 13/8/2020, chị G đã thanh toán cho Công ty T tổng số tiền là 18.213.000đồng (Trong đó, trả nợ gốc: 5.118.895đồng; Trả nợ lãi trong hạn: 13.010.921đồng; Trả nợ lãi quá hạn: 83.184đồng). Từ sau ngày 13/8/2020 cho đến nay, chị G không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T.

Nay Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị G phải thanh toán cho Công ty số tiền còn nợ tính đến ngày 28/6/2021 là 101.475.448đồng (Trong đó: Nợ gốc: 69.165.105đồng; Nợ lãi trong hạn: 30.760.495đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.549.848đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty T rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 28/6/2021.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Mạnh T trình bày:*

Vào ngày 04/01/2020, chị G có ký hợp đồng số 668000000000620000 với Công ty T vay số tiền 74.284.000đồng, mục đích vay là mua đồ nội thất sử dụng cho gia đình theo hình thức tín chấp trả góp hàng tháng tại quầy tư vấn cửa hàng Dương H. Từ ngày 12/02/2020 đến ngày 12/5/2020, chị G đã thanh toán cho Công ty T tổng số tiền là 11.013.000đồng. Sau đó, vì kinh tế gặp nhiều khó khăn nên chị G, anh T không trả được tiền hàng tháng theo thỏa thuận trong hợp đồng dẫn đến vi phạm hợp đồng với Công ty T. Nay Công ty T yêu cầu chị G phải trả số tiền tính đến ngày 31/7/2020 là 80.637.912đồng và phải tiếp tục thanh toán

cho Công ty T tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 31/7/2020 cho đến khi trả hết nợ thì chị G, anh T đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 03/11/2020, Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tuy nhiên qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, căn cứ Nghị định số 09/VBHN-NHNN ngày 22/02/2019 về hoạt động của Công ty tài chính và Công ty cho thuê tài chính có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn chị Phạm Thị G cư trú tại Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Công ty T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Bị đơn chị Phạm Thị G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Mạnh T có đơn xin vắng mặt; Căn cứ theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có căn cứ xác định: Ngày 04/01/2020, Công ty T cho chị Phạm Thị G vay số tiền 74.284.000 đồng, thể hiện tại hợp đồng cho vay tiêu dùng số 668000000000620000 ngày 04/01/2020. Mục đích cho vay là mua nội thất, vay theo hình thức tín chấp. Lãi suất cho vay: 3.5083%/tháng, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Kỳ hạn trả nợ: theo tháng. Số tiền thanh toán mỗi kỳ: 3.665.411 đồng, số tiền thanh toán kỳ cuối cùng (dự kiến): 5.135.255 đồng. Thời hạn cho vay là 36 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 12/02/2020 đến ngày 13/8/2020 chị G đã trả cho Công ty T tổng số tiền là 18.213.000 đồng (Trong đó, trả nợ gốc: 5.118.895 đồng, trả nợ lãi trong hạn: 13.010.921 đồng, trả nợ lãi quá hạn: 83.184 đồng). Từ sau ngày 13/8/2020, chị G không thực hiện được việc thanh toán số tiền vay như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, chị G còn nợ số tiền gốc: 69.165.105 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 28/6/2021 là 32.310.343 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 28/6/2021, chị G còn nợ Công ty T là 101.475.448 đồng.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện: Theo hợp đồng cho vay tiêu dùng số 668000000000620000 ngày 04/01/2020, thì người đứng tên vay là chị G nhưng đây là khoản vay mua nội thất để vợ chồng sử dụng chung. Tại bản trình bày ngày 09/4/2021, anh T cũng xác định đây là khoản vay chung của vợ chồng nên xác định nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T là của chị G và anh T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T, buộc chị Phạm Thị G, anh Nguyễn Mạnh T cùng chịu trách nhiệm trả cho Công ty T số tiền nợ gốc là 69.165.105 đồng và các khoản lãi gồm: tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 13/8/2020 đến ngày 28/6/2021 là 32.310.343 đồng.

[3] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty T rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 28/6/2021 nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí, chị Phạm Thị G, anh Nguyễn Mạnh T phải chịu 101.475.448đ x 5% = 5.073.772 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Buộc chị Phạm Thị G, anh Nguyễn Mạnh T phải trả nợ cho Công ty T tổng số tiền là 101.475.448 đồng (*Một trăm lẻ một triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm bốn mươi tám đồng*).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc chị Phạm Thị G phải trả tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 28/6/2021.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Chị Phạm Thị G, anh Nguyễn Mạnh T phải chịu số tiền 5.073.772 đồng (Năm triệu không trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty T không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí 2.015.000 đồng (Hai triệu không trăm mười lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004889 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/7/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Ngoan